

Drag and Drop the Chinese characters to match the Pinyin and Read aloud.

累 床 快 早 晚 牙 別 洗 用 點

來
去
出
飯
玉
炒
餛

mò chǎo è yù

fàn kuài yá lèi

tāng zǎo bié dàn

chuáng wǎn xǐ miàn

chū qù xiān zài

yòng zuó lái lèi diǎn

末
蛋
麵
再
湯
先
昨